UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 330 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 11 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BTP ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2677/QĐ-BTP ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-BTP ngày 08/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư Pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình *(theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này)*

Điều 2. Bãi bỏ 25 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; UBND cấp xã tỉnh Ninh Bình *(theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này)*

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính Phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP1.

ĐN/KSTTHC2018

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tống Quang Thìn

PHỤ LỤC I

DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 330 /QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giao dịch bảo đảm					
1	Thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng. - Đối với tổ chức: 100.000 đồng. Không áp dụng thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

2	Thủ tục đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng. - Đối với tổ chức: 100.000 đồng. Không áp dụng thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
3	Thủ tục đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng. - Đối với tổ chức: 100.000 đồng. Không áp dụng thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

4	Thủ tục đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng. - Đối với tổ chức: 100.000 đồng.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
5	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: 60.000 đồng. Không áp dụng thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

6	Thủ tục sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Giải quyết hồ sơ đăng ký trong 01 ngày làm việc từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Thủ tục ăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: 70.000 đồng/hồ sơ. Không áp dụng thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015.	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.